

Chú giải Thái kinh Tăng Chi Bộ III – Chương 8 – 4. Phẩm Bố Thí

Chú giải Tăng Chi Bộ Kinh, Chương 8, Phẩm Bố Thí thứ 4.

▪
1. Kinh Bố Thí đầu tiên.

Phẩm Bố Thí thứ 4.

Chú giải bài kinh Bố Thí đầu tiên.

▪
Phần thứ 4, bài kinh Bố Thí đầu tiên được phân tích như sau.

Câu “Āsajja dānaṃ deti” nghĩa là có người thực hiện bố thí khi gặp gỡ, tức là khi thấy người nhận đến, họ liền mời ngồi nghỉ một lát, tiếp đón với sự kính trọng rồi mới bố thí mà không cảm thấy phiền lòng.

▪
Câu “Bhayā” nghĩa là vì sợ bị chỉ trích rằng “Người này không biết bố thí, không làm thiện,” hoặc sợ rơi vào các cỗi dữ.

▪
Câu “Adāsi me” nghĩa là bố thí với suy nghĩ rằng “Người này đã từng cho tôi điều này trong quá khứ.”

▪
Câu “Dassati me” nghĩa là bố thí với suy nghĩ rằng “Người này sẽ cho tôi điều này trong tương lai.”

▪
Câu “Sāhu dānaṃ” nghĩa là bố thí với suy nghĩ rằng “Bố thí là điều tốt đẹp, mang lại lợi ích, được các bậc trí, bao gồm cả Đức Phật, tán dương.”

▪
Câu “Cittālaṅkāracittaparikkhāratthaṃ dānaṃ deti” nghĩa là bố thí nhằm mục đích trang

nghiêm và thanh tịnh tâm trong thiền định và minh sát.

Bởi vì bố thí làm tâm trở nên mềm mại; người nhận quà nghĩ rằng “Tôi đã nhận được” nên tâm trở nên mềm mại, và người cho cũng nghĩ rằng “Tôi đã cho” nên tâm cũng trở nên mềm mại.

Do đó, bố thí được gọi là làm mềm mại tâm của cả hai phía.

Chính vì lý do đó, Đức Phật dạy rằng “Adantadamanam” nghĩa là “thuần hóa tâm chưa được thuần phục.”

Như Đức Thế Tôn đã dạy:

“Bố thí là thuần hóa tâm chưa được điều phục; không bố thí là làm tổn hại sự điều phục.”

“Với lời nói dịu dàng, người ta trở nên cao quý và kính trọng lẫn nhau.”

Bố thí là phương tiện thuần hóa tâm chưa được điều phục.

Không bố thí là điều gây tổn hại tâm đã được điều phục.

Mọi người đều có tâm mềm mại và cúi mình trước những lời nói dịu dàng này.

“Bố thí là phương tiện thuần hóa tâm,
Làm dịu bớt lòng, xua tan mệt nhọc.
Không bố thí sẽ làm tổn hại lòng,
Làm suy yếu tâm, chẳng giữ vững được.”

Lời nói dịu dàng tỏa sáng lòng người,
Khiến nhân gian kính trọng, hòa thuận hơn.
Một câu khẽ thốt, lòng ai ngập vui,
Dịu dàng thay, mọi sự trở nên tốt.

Tâm chưa điều phục, bố thí dẫn lối,
Như dòng nước mát làm dịu lòng khô.
Không bố thí, tâm hoang mang, mất mát,
Gây tổn thương sâu sắc đến nội tâm.”

— Soṇa Thiện Kim

Trong tám loại bố thí này, bố thí nhằm trang nghiêm tâm là cao thượng nhất.

Hết phần chú giải bài kinh Bố Thí đầu tiên.

2. Kinh Bố Thí thứ hai.

Chú giải bài kinh Bố Thí thứ hai.

Bài kinh Bố Thí thứ hai được phân tích như sau.

Người thực hiện bố thí với niềm tin nào, niềm tin ấy được gọi là “saddhā” (đức tin).

Người thực hiện bố thí với tâm hổ thẹn nào, tâm hổ thẹn ấy được gọi là “hiri” (hổ thẹn).

Câu “Kusalañca dānaṃ” nghĩa là bố thí thiện lành, không có lỗi lầm.

Câu “Diviyaṃ” nghĩa là con đường dẫn đến thiên giới.

Hết phần chú giải bài kinh Bố Thí thứ hai.

▪
3. Kinh Nền Tảng Bố Thí.

Chú giải bài kinh Nền Tảng Bố Thí thứ ba.

▪
Bài kinh Nền Tảng Bố Thí thứ ba được phân tích như sau.

▪
Câu “Dānavatthūni” nghĩa là các lý do dẫn đến việc bố thí.

▪
Câu “Chandā dānaṃ deti” nghĩa là người bố thí vì tình yêu thương.

▪
Câu “Dosā” nghĩa là người bố thí vì sân hận, trong cơn giận dữ vội vàng lấy bất cứ thứ gì có để cho đi.

▪
Câu “Mohena” nghĩa là người bố thí vì si mê, bị mờ mịt trong tâm trí.

▪
Câu “Bhayā” nghĩa là bố thí vì sợ bị chê trách hoặc sợ rơi vào cõi dữ; chính vì sợ cả hai điều này mà thực hiện việc bố thí.

▪
Câu “Kulavaṃsaṃ” nghĩa là việc bố thí theo truyền thống của gia tộc.

Hết phần chú giải bài kinh Nền Tảng Bố Thí thứ ba.

▪
4. Kinh Ruộng Phước.

Chú giải bài kinh Ruộng Phước thứ tư.

Bài kinh Ruộng Phước thứ tư được phân tích như sau.

Câu “Na mahapphalam hoti” nghĩa là không mang lại kết quả lớn về thóc lúa.

Câu “Na mahassādam” nghĩa là không có sự thỏa mãn lớn, niềm vui từ kết quả ấy ít ỏi và không ngọt ngào.

Câu “Na phātiseyyam” nghĩa là thóc lúa không phát triển hoặc không có sự sinh trưởng đáng kể.

Câu “Unnāmaninnāmi” nghĩa là vùng đất không đồng đều, có chỗ cao, chỗ thấp.

Ở đó, chỗ cao thì nước không đọng lại, còn chỗ thấp thì nước lại đọng quá nhiều.

Câu “Pāsāṇasakkharillam” nghĩa là đất có các phiến đá lớn, đá nhỏ và sỏi rải rác khắp nơi.

Câu “Ūsaram” nghĩa là đất mặn, chứa nhiều muối.

Câu “Na ca gambhīrasitam” nghĩa là không thể cày sâu xuống đất vì đất cứng, chỉ có thể cày ở mức nông.

Câu “Na āyasampannam” nghĩa là không có hệ thống thoát nước phía sau đầy đủ.

Câu “Na mātikāsampannam” nghĩa là không có kênh dẫn nước nhỏ hoặc lớn.

Câu “Na mariyādasampannam” nghĩa là không có ranh giới rõ ràng giữa các thừa ruộng.

Tất cả các câu bắt đầu với “Na mahapphalam” nên được hiểu là liên quan đến kết quả không đạt được trọn vẹn.

Câu “Sampanne” nghĩa là đầy đủ, hoàn thiện, tức là có các phẩm chất trọn vẹn.

Câu “Pavuttā bījasampadā” nghĩa là hạt giống được gieo trồng một cách hoàn hảo.

Câu “Deve sampādayantamhi” nghĩa là khi mưa rơi đúng mùa.

Câu “Anītisampadā hoti” nghĩa là không bị gây hại bởi các loài động vật nhỏ như châu chấu và sâu bọ, đó là sự hoàn thiện hàng đầu.

Câu “Virūhi” nghĩa là sự tăng trưởng, đây là sự hoàn thiện thứ hai.

Câu “Vepullam” nghĩa là sự phong phú, đây là sự hoàn thiện thứ ba.

Câu “Phalam” nghĩa là kết quả của thóc lúa đầy đủ, đây là sự hoàn thiện thứ tư.

Câu “Sampannasīlesu” nghĩa là các vị Sa-môn và Bà-la-môn có giới luật trọn vẹn.

Câu “Bhojanasampadā” nghĩa là đầy đủ năm loại thực phẩm.

Câu “Sampadānam” nghĩa là ba loại thiện hoàn thiện.

Câu “Upaneti” nghĩa là sự hoàn thiện về thực phẩm dẫn dắt tâm.

?

Tại sao? Vì các hành động người ấy thực hiện đều hoàn thiện. Điều này có nghĩa là các việc làm của họ đều trọn vẹn và đầy đủ.

Câu “Sampannatthūda” được rút gọn thành “Sampanno atthu idha” nghĩa là: Hãy là người đầy đủ trong sự hoàn thiện thiện nghiệp này.

Câu “Vijjācaraṇasampanno” nghĩa là gồm đủ ba minh và mười lăm hạnh.

Câu “Laddhā” nghĩa là người như vậy đạt được sự hoàn thiện, tức là không thiếu sót và đạt đến sự viên mãn trong tâm.

Câu “Karoti kammāsampadam” nghĩa là thực hiện nghiệp thiện một cách trọn vẹn.

Câu “Labhati catthāsampadam” nghĩa là đạt được lợi ích một cách hoàn toàn.

Câu “Diṭṭhisampadam” nghĩa là quan kiến trong minh sát trí.

Câu “Maggasampadam” nghĩa là con đường nhập vào dòng thánh (Sotāpatti).

Câu “Yāti sampannamānaso” nghĩa là với tâm hoàn toàn viên mãn, đạt đến quả vị A-la-hán.

Câu “Sā hoti sabbasampadā” nghĩa là sự giải thoát khỏi mọi khổ đau được gọi là sự hoàn thiện toàn diện.

Hết phần chú giải bài kinh Ruộng Phước thứ tư.

5. Kinh Quả Báo Của Bố Thí.

Chú giải bài kinh Quả Báo Của Bố Thí thứ năm.

Bài kinh Quả Báo Của Bố Thí thứ năm được phân tích như sau.

Câu “Dānūpapattiyo” nghĩa là sự tái sinh có bố thí làm nhân duyên.

Câu “Padahati” nghĩa là đặt để.

Câu “Adhiṭṭhāti” là từ đồng nghĩa với “Padahati.”

Câu “Bhāveti” nghĩa là phát triển.

Câu “Hīneddhimuttam” nghĩa là hướng về những điều thấp hèn, tức là năm dục lạc.

Câu “Uttariṃ abhāvitam” nghĩa là không được rèn luyện để đạt đến các đạo quả cao hơn.

Câu “Tattrūpapattiyā samvattati” nghĩa là dẫn đến tái sinh vào nơi mà người ấy mong muốn nhờ làm điều thiện.

Câu “Vītarāgassa” nghĩa là người đã đoạn trừ dục vọng nhờ đạo, hoặc người chế ngự dục vọng nhờ thiền định.

Thật vậy, chỉ bố thí thôi thì không thể tái sinh vào cõi Phạm Thiên, nhưng bố thí là phương tiện trang nghiêm tâm có thiền định và minh sát. Do đó, người có tâm nhu hòa nhờ bố thí sẽ phát triển Tứ Vô Lượng Tâm và tái sinh vào cõi Phạm Thiên. Vì thế, Đức Thế Tôn đã dạy: “Vītarāgassa no sarāgassa” (Đối với người ly dục, không phải người còn dục vọng).

Hết phần chú giải bài kinh Quả Báo Của Bố Thí thứ năm.

▪

6. Kinh Nền Tảng Tạo Phước.

Chú giải bài kinh Nền Tảng Tạo Phước thứ sáu.

Bài kinh Nền Tảng Tạo Phước thứ sáu được phân tích như sau.

Việc làm phước là cơ sở của những lợi ích đó, vì vậy được gọi là “Puññakiriyavatthu” (nền tảng tạo phước).

Thật vậy, chúng sinh hướng tâm vào các đặc tính của bố thí, sau đó nghĩ rằng “Chúng ta nên bố thí, giữ giới, và tu tập thiền định” rồi thực hiện các việc phước.

Bố thí ấy được gọi là “Dānamaya” (bố thí viên mãn).

Ngoài ra, trong số các ý định bố thí, ý định hoàn thiện (sannīṭṭhāpaka cetanā) xuất phát từ ý định quyết tâm ban đầu cũng được gọi là “Dānamaya,” giống như một vật thể được tạo thành từ bột.

Cách giải thích tương tự cũng áp dụng cho hai điều còn lại.

Câu “Parittaṃ kataṃ hoti” nghĩa là làm một cách nhỏ nhặt, chỉ một chút ít.

Câu “Nābhisambhoti” nghĩa là không mang lại kết quả.

Câu “Akataṃ hoti” nghĩa là không bắt đầu sự tinh tấn trong thiền định.

Câu “Manussadobhaggam” nghĩa là sinh vào năm loại gia đình thấp hèn, không có phước báu trong loài người.

Câu “Uppajjati” nghĩa là đạt được sự tái sinh, sinh vào gia đình thấp kém đó.

Câu “Mattaso kataṃ” nghĩa là làm với mức vừa phải, không ít cũng không nhiều.

Câu “Manussasobhaggam” nghĩa là các phước báu cao quý thuộc về năm loại gia đình tốt đẹp trong loài người.

Câu “Adhimattam” nghĩa là vượt mức hoặc đạt đến sự mạnh mẽ hơn.

Câu “Adhigaṇhanti” nghĩa là nắm giữ, được giải thích là người vượt trội hơn hoặc phát triển hơn.

Hết phần chú giải bài kinh Nền Tảng Tạo Phước thứ sáu.

7. Kinh Bố Thí Của Người Chân Chánh thứ nhất.

Chú giải bài kinh Bố Thí Của Người Chân Chánh thứ nhất.

Bài kinh Bố Thí Của Người Chân Chánh thứ nhất được phân tích như sau.

Câu “Suciṃ” nghĩa là bố thí các vật sạch sẽ, trong sáng và tinh khiết.

Câu “Paṇītaṃ” nghĩa là các vật tốt đẹp, hoàn hảo.

Câu “Kālena” nghĩa là bố thí đúng thời điểm thích hợp.

Câu “Kappiyaṃ” nghĩa là chỉ bố thí những vật hợp pháp và phù hợp.

Câu “Viceyya deti” nghĩa là chọn người nhận phù hợp hoặc bố thí với suy nghĩ rằng “Bố thí cho người này sẽ mang lại quả lớn, còn cho người kia thì không,” rồi mới thực hiện việc bố thí.

Hết phần chú giải bài kinh Bố Thí Của Người Chân Chánh thứ nhất.

8. Kinh Người Chân Chánh thứ hai.

Chú giải bài kinh Người Chân Chánh thứ hai.

Bài kinh Người Chân Chánh thứ hai được phân tích như sau.

Câu “Atthāya” nghĩa là vì lợi ích.

Câu “Hitāya sukhāya” nghĩa là vì sự hỗ trợ và hạnh phúc.

Câu “Pubbapetānaṃ” nghĩa là các thân nhân đã khuất, những người đã đi đến cõi khác.

Trong bài kinh này, khi Đức Phật chưa xuất hiện, điều này ám chỉ các vị Chuyển Luân Thánh Vương, Bồ Tát, và Độc Giác Phật; trong thời Đức Phật, điều này ám chỉ Đức Phật và các đệ tử của Ngài. Những vị ấy sống vì lợi ích, sự hỗ trợ, và hạnh phúc của những người thân như đã nói.

Câu “Bahunnaṃ vata atthāya sappañño gharamāvasaṃ” nghĩa là người trí tuệ sống trong gia đình vì lợi ích của nhiều người.

Câu “Pubbe” nghĩa là từ trước, rất sớm.

Câu “Pubbekataṃ anusaraṃ” nghĩa là nhớ lại công ơn của cha mẹ đã làm từ trước.

Câu “Sahadhammena” nghĩa là tôn kính bằng cách dâng cúng các vật phẩm cùng với sự hiểu biết đúng đắn.

Câu “Apāpe brahmacāriṇo” nghĩa là kính trọng các vị sống đời phạm hạnh với thái độ khiêm tốn.

Câu “Pesalo” nghĩa là người có hạnh kiểm tốt, được yêu mến.

Hết phần chú giải bài kinh Người Chân Chánh thứ hai.

9. Kinh Phước Báo Tràn Đầy.

Chú giải bài kinh Phước Báo Tràn Đầy thứ chín.

Bài kinh Phước Báo Tràn Đầy thứ chín được phân tích như sau.

Câu “Dānāni” nghĩa là bố thí do tâm ý khởi sinh.

Ý nghĩa của cụm từ “Aggaññāni” (những điều tối thượng) và các từ tương tự đã được giải thích ở phần trước.

Hết phần chú giải bài kinh Phước Báo Tràn Đầy thứ chín.

10. Kinh Quả Báo Nhanh Chóng.

Chú giải bài kinh Quả Báo Nhanh Chóng thứ mười.

Bài kinh Quả Báo Nhanh Chóng thứ mười được phân tích như sau.

Câu “Pāṇātipāto” nghĩa là ý định sát sinh, làm cho mạng sống của chúng sinh chấm dứt.

Câu “Sabbalahuso” nghĩa là kết quả xảy ra nhanh chóng hơn tất cả các loại quả khác.

Câu “Appāyukasamvattaniko” nghĩa là dẫn đến tuổi thọ ngắn do nghiệp quả nhỏ nhoi, hoặc sau khi tái sinh, chúng sinh còn trong bụng mẹ hay vừa sinh ra đã bị diệt vong.

Thật vậy, quả báo như vậy không phải do nghiệp nào khác mà là con đường riêng biệt của sát sinh (Pāṇātipāta).

Câu “Bhogabyasanasamvattaniko” nghĩa là dẫn đến sự hủy hoại tài sản; ngay cả một đồng xu nhỏ cũng không giữ được, do nghiệp trộm cắp (Adinnādāna).

Câu “Sapattaverasamvattaniko” nghĩa là dẫn đến thù oán với kẻ thù.

Thật vậy, người này có nhiều kẻ thù. Hơn nữa, ai thấy người này cũng sinh lòng oán hận. Quả báo như vậy không xuất phát từ nghiệp nào khác ngoài việc xâm phạm tài sản của người khác được bảo vệ.

Câu “Abhūtabbhakkhānasamvattaniko” nghĩa là dẫn đến việc vu khống, nói những điều không thật. Nghiệp mà người này tạo ra sẽ quay lại và rơi trên đầu chính họ.

Câu “Mittehi bhedanasamvattaniko” nghĩa là dẫn đến sự chia rẽ với bạn bè. Người này kết bạn với ai, người đó cũng rời bỏ hoặc chia cách.

Câu “Amanāpasaddasamvattaniko” nghĩa là dẫn đến những âm thanh khó chịu. Những lời nói thô bạo, cay nghiệt, làm tổn thương, phá vỡ tình yêu thương, người này sẽ nghe những lời ấy ở bất cứ nơi nào họ đến. Họ không thể nghe được những lời dễ chịu do quả báo này, và đây là con đường của lời nói thô lỗ (Pharusavācā).

Câu “Ummattakasamvattaniko” nghĩa là dẫn đến sự điên loạn.

Thật vậy, do uống rượu, con người trở nên điên loạn, tâm trí mờ mịt, hoặc trở thành người câm. Đây là quả báo của việc uống rượu (Surāpāna).

Bài kinh này chỉ nói đến vòng luân hồi mà thôi.

Hết phần chú giải bài kinh Quả Báo Nhanh Chóng thứ mười.

Các bài kinh có trong phần này bao gồm:

- [illegible]

Kinh Bồ Thí thứ nhất

- [illegible]

Kinh BỐ Thứ hai

3.

--	--	--	--	--	--	--	--	--

Kinh Nền Tảng

4.

--	--	--	--	--	--	--	--

Kinh Ruông Phước

- [illegible]

Kinh Quả Báo Của Bố Thí

- [illegible]

Kinh Nền Tảng Tao Phước

- [illegible]

Kính Người Chân Chánh thứ nhất

8. □□□□□□□□□□ □

Kinh Người Chân Chánh thứ hai

9. □□□□□□□□□□

Kinh Phước Báo Trần Đầy

10. □□□□□□□□□□

Kinh Quả Báo Nhanh Chóng